

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2021**



**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 30

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đào Khắc Hậu	Chủ tịch
Ông Đỗ Khắc Thanh	Ủy viên
Ông Hoàng Việt Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Việt	Ủy viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Ủy viên

#### Ban kiểm soát

Bà Đỗ Thu Hằng	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Đinh Phúc Lộc	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Duy Việt	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Trung	Kế toán trưởng

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Duy Việt - Tổng Giám đốc.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Nguyễn Duy Việt**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 10 tháng 08 năm 2021



Số: 081002/2021/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Các Cổ đông,  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 08 năm 2021 từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1402-2019-072-01  
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>124.424.990.790</b>	<b>181.941.636.248</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>6.356.909.651</b>	<b>13.494.896.970</b>
1. Tiền	111		6.356.909.651	13.494.896.970
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>103.996.354.407</b>	<b>149.076.785.409</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	39.097.649.235	38.787.167.844
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	15.989.656.092	63.475.224.719
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	48.909.049.080	46.814.392.846
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>13.723.417.118</b>	<b>19.085.258.253</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	13.723.417.118	19.085.258.253
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>348.309.614</b>	<b>284.695.616</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	311.422.728	259.716.428
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.144.492	24.979.188
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12a	10.742.394	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.752.915.139</b>	<b>11.701.242.196</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.493.924.721</b>	<b>4.889.056.921</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	5.440.082.450	4.781.081.312
- Nguyên giá	222		16.590.709.929	15.193.775.384
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.150.627.479)	(10.412.694.072)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	53.842.271	107.975.609
- Nguyên giá	228		1.115.380.500	1.115.380.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.061.538.229)	(1.007.404.891)
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.9</b>	<b>3.298.650.146</b>	<b>3.967.380.887</b>
- Nguyên giá	231		14.220.418.430	14.220.418.430
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.921.768.284)	(10.253.037.543)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.960.340.272</b>	<b>2.844.804.388</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	1.960.340.272	2.844.804.388
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>135.177.905.929</b>	<b>193.642.878.444</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>100.339.581.691</b>	<b>157.233.555.035</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>98.723.733.941</b>	<b>155.602.707.285</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	13.337.213.749	21.769.277.279
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	8.166.510.000	20.373.236.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12b	176.252.836	556.235.113
4. Phải trả người lao động	314		1.245.901.184	1.569.890.476
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		573.467.429	44.550.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		49.545.459	64.581.821
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	45.583.667.463	47.883.872.052
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	29.149.857.187	63.018.743.334
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		441.318.634	322.320.810
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.615.847.750</b>	<b>1.630.847.750</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	1.615.847.750	1.630.847.750
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>34.838.324.238</b>	<b>36.409.323.409</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>34.838.324.238</b>	<b>36.409.323.409</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.112.830.000	31.112.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		31.112.830.000	31.112.830.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.910.890	9.910.890
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.473.497.115	1.473.497.115
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.242.086.233	3.813.085.404
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		1.858.681.930	2.078.425.218
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		383.404.303	1.734.660.186
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>135.177.905.929</b>	<b>193.642.878.444</b>



Trần Thị Ninh  
Người lập



Dương Quang Trung  
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Việt  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 08 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	124.779.314.919	96.625.303.692
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		124.779.314.919	96.625.303.692
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	112.560.006.351	84.528.162.130
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.219.308.568	12.097.141.562
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	55.751.371	818.974.712
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.391.325.218	1.859.480.823
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.374.862.011	1.292.911.363
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.792.876.366	2.448.372.193
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8.463.381.112	9.235.273.768
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		627.477.243	(627.010.510)
11. Thu nhập khác	31		112.764.095	46.764.894
12. Chi phí khác	32		127.207.060	112
13. Lợi nhuận khác	40		(14.442.965)	46.764.782
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		613.034.278	(580.245.728)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	229.629.975	(130.215.772)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		383.404.303	(450.029.956)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	123	(174)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	123	(174)

Trần Thị Ninh  
Người lập

Dương Quang Trung  
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Việt  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 08 năm 2021



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	613.034.278	(580.245.728)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.460.797.486	1.500.524.844
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	37.637.006	(456.802.082)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.991.517)	(14.057.013)
Chi phí lãi vay	06	1.374.862.011	1.292.911.363
3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.480.339.264	1.742.331.384
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	46.316.664.830	(4.906.024.978)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	5.361.841.135	(2.525.300.676)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(20.629.490.583)	(13.248.461.434)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	832.757.816	815.279.304
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.363.744.582)	(1.262.828.050)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(257.641.018)	(659.828.668)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.618.768.060)	(6.512.896.666)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.121.958.802	(26.557.729.784)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	(1.396.934.545)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.991.517	14.057.013
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.390.943.028)	14.057.013
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	23.771.319.697	34.766.953.247
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(57.640.205.844)	(33.568.347.325)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.009.945.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(33.868.886.147)	(1.811.339.078)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7.137.870.373)	(28.355.011.849)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.494.896.970	37.036.720.768
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(116.946)	(4.806.699)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.356.909.651	8.676.902.220



Trần Thị Ninh  
Người lập



Dương Quang Trung  
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Việt  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 08 năm 2021



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không được thành lập theo Quyết định số 1173/QĐ/TCCB/LĐ ngày 30/07/1994 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000496 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 09 năm 1994 cùng các lần sửa đổi bổ sung.

Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không theo Quyết định số 3892/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2006 và các lần thay đổi.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 ngày 09 tháng 07 năm 2021, vốn điều lệ Công ty là 31.112.830.000 đồng (ba mươi một tỷ, một trăm mười hai triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng), tương đương 31.112.830 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 26 tháng 10 năm 2016, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là ARM theo Giấy chứng nhận niêm yết cổ phiếu số 92/GCN-SGDHN ngày 06 tháng 10 năm 2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 100 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 102 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh máy bay, động cơ, dụng cụ, thiết bị, phụ tùng và vật tư máy bay;
- Kinh doanh phương tiện, thiết bị dụng, vật tư và phụ tùng cho ngành hàng không;
- Đại lý vé, giữ chỗ hàng không trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kho ngoại quan;
- Dịch vụ ủy thác, xuất nhập khẩu kê khai hải quan;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không có chi nhánh hoạt động như sau: Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không tại phòng 408, số 49 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 đã được soát xét.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021.

**II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: kế toán máy.

**III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các loại phần mềm khấu hao từ 03 - 04 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 05 - 25 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	438.814.923	544.914.036
Tiền gửi ngân hàng	5.918.094.728	12.949.982.934
<b>Cộng</b>	<b>6.356.909.651</b>	<b>13.494.896.970</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>39.097.649.235</b>	<b>38.787.167.844</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	27.610.284.379	26.040.994.250
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	623.956.305	603.618.775
Khách hàng khác	10.863.408.551	12.142.554.819
<b>Cộng</b>	<b>39.097.649.235</b>	<b>38.787.167.844</b>
<b>b) Phải thu khách hàng bên liên quan</b>	<b>28.234.240.684</b>	<b>26.644.613.025</b>

(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>15.989.656.092</b>	<b>63.475.224.719</b>
Công ty TNHH ALLIANZ TECHNICS	10.253.100.000	-
Công ty TNHH TM-DV XNK An Tâm	-	61.719.240.000
Công ty CP Thuận Quốc	2.638.406.128	1.149.939.038
Trả trước cho người bán khác	3.098.149.964	606.045.681
<b>Cộng</b>	<b>15.989.656.092</b>	<b>63.475.224.719</b>
<b>b) Trả trước cho người bán là bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	<b>12.422.000</b>	<b>12.422.000</b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Phải thu khác ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	1.463.682.708	546.950.000
Ký cược, ký quỹ	369.921.000	440.139.000
Phải thu về ủy thác	47.075.445.372	45.827.303.846
<i>Trong đó:</i>		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	11.631.606.542	11.159.470.195
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	28.122.879.770	27.718.872.127
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	3.109.731.580	2.831.933.414
Phải thu đối tượng khác	4.211.227.480	4.117.028.110
<b>Cộng</b>	<b>48.909.049.080</b>	<b>46.814.392.846</b>
<b>b) Phải thu khác là bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	<b>42.864.217.892</b>	<b>41.710.275.736</b>

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.101.151.244	-	1.101.151.244	-
Hàng hóa	12.622.265.874	-	17.984.107.009	-
<b>Cộng</b>	<b>13.723.417.118</b>	<b>-</b>	<b>19.085.258.253</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****6. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	44.143.315	9.593.315
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	267.279.413	250.123.113
<b>Cộng</b>	<b>311.422.728</b>	<b>259.716.428</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí thiết bị, công cụ dụng cụ chờ phân bổ	134.261.350	164.331.047
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.236.677.090	2.084.071.509
Chi phí trả trước dài hạn khác	589.401.832	596.401.832
<b>Cộng</b>	<b>1.960.340.272</b>	<b>2.844.804.388</b>

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày đầu kỳ	7.354.530.023	1.032.890.030	2.868.260.707	3.938.094.624	15.193.775.384
Mua trong kỳ	-	1.396.934.545	-	-	1.396.934.545
Tại ngày cuối kỳ	7.354.530.023	2.429.824.575	2.868.260.707	3.938.094.624	16.590.709.929
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày đầu kỳ	3.651.578.583	742.852.388	2.101.487.699	3.916.775.402	10.412.694.072
Khấu hao trong kỳ	478.130.307	103.289.016	143.927.384	12.586.700	737.933.407
Tại ngày cuối kỳ	4.129.708.890	846.141.404	2.245.415.083	3.929.362.102	11.150.627.479
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	3.702.951.440	290.037.642	766.773.008	21.319.222	4.781.081.312
Tại ngày cuối kỳ	3.224.821.133	1.583.683.171	622.845.624	8.732.522	5.440.082.450

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.979.116.301 đồng. (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 5.871.886.301 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày đầu kỳ	1.115.380.500	1.115.380.500
Tại ngày cuối kỳ	1.115.380.500	1.115.380.500
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày đầu kỳ	1.007.404.891	1.007.404.891
Khấu hao trong kỳ	54.133.338	54.133.338
Tại ngày cuối kỳ	1.061.538.229	1.061.538.229
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	107.975.609	107.975.609
Tại ngày cuối kỳ	53.842.271	53.842.271

**9. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày đầu kỳ	14.220.418.430	14.220.418.430
Tại ngày cuối kỳ	14.220.418.430	14.220.418.430
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày đầu kỳ	10.253.037.543	10.253.037.543
Trích khấu hao trong kỳ	668.730.741	668.730.741
Tại ngày cuối kỳ	10.921.768.284	10.921.768.284
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	3.967.380.887	3.967.380.887
Tại ngày cuối kỳ	3.298.650.146	3.298.650.146



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty CP Thuận Quốc	463.848.200	463.848.200	7.693.211.919	7.693.211.919
Công ty TNHH Tiếp vận Tường Long	6.187.688.394	6.187.688.394	3.822.144.150	3.822.144.150
Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ Hàng không	-	-	2.361.100.000	2.361.100.000
Công ty TNHH Viet Sun Global	234.697.037	234.697.037	910.061.053	910.061.053
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư B&T	-	-	533.945.000	533.945.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn Rừng Xanh	404.417.475	404.417.475	443.398.725	443.398.725
Phải trả người bán khác	6.046.562.643	6.046.562.643	6.005.416.432	6.005.416.432
<b>Cộng</b>	<b>13.337.213.749</b>	<b>13.337.213.749</b>	<b>21.769.277.279</b>	<b>21.769.277.279</b>
<b>b) Phải trả người bán là bên liên quan</b>	<b>694.680.995</b>	<b>694.680.995</b>	<b>639.345.565</b>	<b>639.345.565</b>

(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	-	-	20.373.236.400	20.373.236.400
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt Đất Sân Bay Việt Nam	8.166.510.000	8.166.510.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.166.510.000</b>	<b>8.166.510.000</b>	<b>20.373.236.400</b>	<b>20.373.236.400</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp /bù trừ trong kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	10.742.394	-	10.742.394	-
<b>Cộng</b>	<b>10.742.394</b>	<b>-</b>	<b>10.742.394</b>	<b>-</b>
<b>b) Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	47.719.864	10.201.348.910	10.532.601.255	378.972.209
Thuế TNDN	128.532.972	229.629.975	257.641.018	156.544.015
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.440.809	32.159.698	20.718.889
Thuế nhà đất, tiền thuê	-	815.624.095	815.624.095	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>176.252.836</b>	<b>11.262.043.789</b>	<b>11.642.026.066</b>	<b>556.235.113</b>

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Phải trả khác ngắn hạn</b>		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.912.720.207	201.514.557
Các khoản phải trả, phải nộp về ủy thác	41.170.755.058	45.417.181.592
<u>Trong đó</u>		
<i>Công ty ROHR</i>	3.963.530.960	7.143.023.350
<i>Công ty TNHH Viet sun Global</i>	7.011.695.123	9.477.772.913
<i>Công ty TNHH Toàn cầu Khải Minh</i>	8.822.099.328	7.618.329.325
<i>Công ty International Aircraft Engineer</i>	1.565.204.348	4.044.563.034
<i>Công ty Boeing</i>	1.905.666.231	1.163.174.342
<i>Phải trả khác</i>	17.902.559.068	15.970.318.628
Phải trả về ứng tiền thuế nhập khẩu	2.499.296.486	2.209.122.422
Phải trả khác	895.712	56.053.481
<b>Cộng</b>	<b>45.583.667.463</b>	<b>47.883.872.052</b>
<b>b) Phải trả khác dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.615.847.750	1.630.847.750
<b>Cộng</b>	<b>1.615.847.750</b>	<b>1.630.847.750</b>
<b>c) Phải trả khác là bên liên quan</b>	<b>2.303.157.649</b>	<b>2.438.650.844</b>

(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Tăng VND	Giảm VND	Số đầu kỳ VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	-	1.000.000	52.652.820.000	52.651.820.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương (i)	14.058.762.650	18.249.419.697	4.190.657.047	-
Thấu chi - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	9.570.194.537	73.459.990.104	74.256.718.901	10.366.923.334,00
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (iii)	5.520.900.000	5.520.900.000	-	-
<b>Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>29.149.857.187</b>	<b>97.231.309.801</b>	<b>131.100.195.948</b>	<b>63.018.743.334</b>

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay đến hạn.

- (i) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng cấp tín dụng số 01/21/CTD/VCB.CD-ARIMEX ngày 4 tháng 3 năm 2021, giới hạn cấp tín dụng là 40.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng trong 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích và lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản thấu chi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng vay số 02/2020-HĐTDHMT/C/NHCT146-AIRIMEX ngày 11 tháng 06 năm 2020, tổng mức dư nợ theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 40 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30 tháng 07 năm 2021, thời hạn tối đa của mỗi khoản thấu chi là 1 tháng kể từ ngày thấu chi. Mục đích khoản thấu chi là để bổ sung vốn lưu động thiếu hụt tạm thời trong thanh toán phục vụ hoạt động ủy thác, lãi suất thấu chi được điều chỉnh 1 tháng/lần, lãi suất đối với dư nợ gốc thấu chi quá hạn bằng 50% lãi suất thấu chi trong hạn, lãi suất thấu chi trong ngày là 8,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ theo Hợp đồng cấp tín dụng số 47869.20.051.7600341.TD. Hạn mức cấp tín dụng gồm 2 mức, hạn mức 1 là 45.000.000.000 đồng trong đó hạn mức cho vay là 20.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là 25.000.000.000 đồng. Hạn mức 2 là 90.000.000.000 đồng trong đó hạn mức cho vay là 40.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là 50.000.000.000 đồng. Hạn mức 1 có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng, hạn mức 2 chỉ phát sinh hiệu lực khi Công ty có nhu cầu sử dụng vượt giá trị hạn mức 1, có đề nghị gửi cho ngân hàng và được ngân hàng chấp thuận. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng kể từ ngày ký hợp đồng này đến ngày 9 tháng 9 năm 2021. Thời hạn của mỗi khoản tín dụng trong hạn mức không vượt quá 06 tháng. Lãi suất của khoản vay được quy định tại từng văn bản nhận nợ. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 – 2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****15. Vốn chủ sở hữu****a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày đầu năm trước</b>	<b>25.927.400.000</b>	<b>1.136.540.000</b>	<b>4.058.800.890</b>	<b>1.473.497.115</b>	<b>9.169.740.908</b>	<b>41.765.978.913</b>
Tăng vốn trong năm	5.185.430.000	(1.126.629.110)	(4.058.800.890)	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	1.734.660.186	1.734.660.186
Thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(209.085.690)	(209.085.690)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.185.480.000)	(5.185.480.000)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.696.750.000)	(1.696.750.000)
<b>Tại ngày đầu năm nay</b>	<b>31.112.830.000</b>	<b>9.910.890</b>	<b>-</b>	<b>1.473.497.115</b>	<b>3.813.085.404</b>	<b>36.409.323.409</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	383.404.303	383.404.303
Thưởng ban điều hành (i)	-	-	-	-	(69.731.805)	(69.731.805)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(1.711.205.650)	(1.711.205.650)
Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(173.466.019)	(173.466.019)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>31.112.830.000</b>	<b>9.910.890</b>	<b>-</b>	<b>1.473.497.115</b>	<b>2.242.086.233</b>	<b>34.838.324.238</b>

(i) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi, chi thù lao Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết đại hội đồng thường niên năm 2020 số 16/2021/NQ-BHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2021.

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	41,31%	12.852.000.000	41,31%	12.852.000.000
Ông Đào Khắc Hậu	25,00%	7.777.780.000	25,00%	7.777.780.000
Ông Đào Anh Hùng	11,42%	3.552.930.000	11,42%	3.552.930.000
Các cổ đông khác	22,27%	6.930.120.000	22,27%	6.930.120.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>31.112.830.000</b>	<b>100%</b>	<b>31.112.830.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**15. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**c. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>3.111.283</b>	<b>3.111.283</b>
- Cổ phiếu phổ thông	3.111.283	3.111.283
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.111.283</b>	<b>3.111.283</b>
- Cổ phiếu phổ thông	3.111.283	3.111.283
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**16. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động - bộ phận bán hàng, bộ phận nhận ủy thác xuất nhập khẩu, bộ phận dịch vụ vận chuyển, bộ phận dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận bán hàng: bán thiết bị mặt đất, các xe vận chuyển tại sân bay, bán hàng hóa phục vụ trên chuyến bay.
- Bộ phận nhận ủy thác: cung cấp dịch vụ xuất, nhập khẩu ủy thác phụ tùng vật tư máy bay cho các Công ty hoạt động vận chuyển theo đường hàng không.
- Bộ phận dịch vụ vận chuyển: cung cấp dịch vụ vận chuyển.
- Bộ phận cung cấp dịch vụ khác: dịch vụ cho thuê nhà, dịch vụ bán vé máy bay...

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****16. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021**

	Bán hàng hóa	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu	Dịch vụ vận chuyển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	35.288.181.435	53.231.677.951	18.584.679.700	13.913.882.585	-	121.018.421.671
Tài sản không phân bổ						14.159.484.258
<b>Tổng tài sản</b>						<b>135.177.905.929</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	13.459.970.339	45.750.607.403	8.418.551.395	1.123.655.284	-	68.752.784.421
Nợ phải trả không phân bổ						31.586.797.270
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>100.339.581.691</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****16. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

	Bán hàng hóa	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu	Dịch vụ vận chuyển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	84.297.300.118	9.550.727.453	23.853.239.024	7.078.048.324	-	124.779.314.919
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>84.297.300.118</b>	<b>9.550.727.453</b>	<b>23.853.239.024</b>	<b>7.078.048.324</b>	<b>-</b>	<b>124.779.314.919</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	80.664.902.864	7.460.777.977	23.015.987.520	1.418.337.990	-	112.560.006.351
Kết quả kinh doanh bộ phận	3.632.397.254	2.089.949.476	837.251.504	5.659.710.334	-	12.219.308.568
Chi phí không phân bổ						10.256.257.478
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						1.963.051.090
Doanh thu từ các khoản đầu tư						55.751.371
Lợi nhuận khác						(14.442.965)
Chi phí tài chính						1.391.325.218
Lợi nhuận trước thuế						613.034.278
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						229.629.975
<b>Lợi nhuận trong năm</b>						<b>383.404.303</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề

Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**Mẫu số B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****16. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)****Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2021**

	Bán hàng hóa	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu	Dịch vụ vận chuyển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	93.567.311.323	53.132.501.279	9.572.093.483	14.870.429.464		171.142.335.549
Tài sản không phân bổ						22.500.542.895
<b>Tổng tài sản</b>						<b>193.642.878.444</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	32.603.113.142	47.626.304.014	10.174.005.452	799.516.986		91.202.939.594
Nợ phải trả không phân bổ						66.030.615.441
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>157.233.555.035</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****16. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)****Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020**

	Bán hàng hóa	Nhận ủy thác nhập khẩu	Dịch vụ vận chuyển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	54.126.136.965	12.823.492.602	22.826.138.764	6.849.535.361	-	96.625.303.692
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>54.126.136.965</b>	<b>12.823.492.602</b>	<b>22.826.138.764</b>	<b>6.849.535.361</b>	<b>-</b>	<b>96.625.303.692</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	52.179.568.921	8.795.121.183	21.736.339.123	1.817.132.903		84.528.162.130
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.946.568.044	4.028.371.419	1.089.799.641	5.032.402.458		12.097.141.562
Chi phí không phân bổ						11.683.645.961
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						413.495.601
Doanh thu từ các khoản đầu tư						818.974.712
Lợi nhuận khác						46.764.782
Chi phí tài chính						1.859.480.823
Lợi nhuận trước thuế						(580.245.728)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(130.215.772)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>						<b>(450.029.956)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**16. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty có 01 chi nhánh đặt tại phòng 408, số 49 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh chỉ có nhiệm vụ điều phối hoạt động khu vực miền Nam, toàn bộ doanh thu chỉ phát sinh tại trụ sở chính. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	84.297.300.118	54.126.136.965
Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu	9.550.727.453	12.823.492.602
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	23.853.239.024	22.826.138.764
Doanh thu dịch vụ khác	7.078.048.324	6.849.535.361
<b>Cộng Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>124.779.314.919</b>	<b>96.625.303.692</b>
<b>b) Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	<b>51.362.688.493</b>	<b>48.405.235.663</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	80.664.902.864	52.179.568.921
Giá vốn dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu	7.460.777.977	8.795.121.183
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	23.015.987.520	21.736.339.123
Giá vốn của dịch vụ khác	1.418.337.990	1.817.132.903
<b>Cộng</b>	<b>112.560.006.351</b>	<b>84.528.162.130</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.991.517	14.057.013
Lãi chênh lệch tỷ giá	49.759.854	804.917.699
<b>Cộng</b>	<b>55.751.371</b>	<b>818.974.712</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	1.374.862.011	1.292.911.363
Lỗi chênh lệch tỷ giá	16.463.207	566.569.460
<b>Cộng</b>	<b>1.391.325.218</b>	<b>1.859.480.823</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	88.300.654	63.507.323
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	61.332.000	57.393.363
Chi phí khấu hao tài sản	162.339.024	162.339.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.364.112.969	1.785.737.485
Chi phí bằng tiền khác	116.791.719	379.394.998
<b>Cộng</b>	<b>1.792.876.366</b>	<b>2.448.372.193</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.049.022.328	3.076.006.810
Chi phí vật liệu văn phòng	299.285.404	346.445.975
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	71.360.909	70.131.000
Chi phí khấu hao tài sản	629.727.720	663.465.866
Thuế và các khoản lệ phí	819.624.095	669.855.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.868.521.261	2.849.882.808
Chi phí khác bằng tiền	1.725.839.395	1.559.485.961
<b>Cộng</b>	<b>8.463.381.112</b>	<b>9.235.273.768</b>

**7. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	613.034.278	(580.245.728)
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>535.115.598</b>	<b>332.632.974</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	535.115.598	332.632.974
<i>Chi phí không hợp lý khi tính thuế</i>	535.115.598	332.632.974
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>1.148.149.876</b>	<b>(247.612.754)</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>229.629.975</b>	-
<i>Điều chỉnh giảm do ghi nhận trừ thuế TNDN phải nộp bổ sung theo Quyết định số 82857/QĐ-CT-XPVPHC ngày 01/11/2019</i>	-	130.215.772
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>229.629.975</b>	<b>(130.215.772)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	383.404.303	(450.029.956)
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>383.404.303</b>	<b>(450.029.956)</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.111.283	2.592.740
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>123</b>	<b>(174)</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Tiền thu khác, chi khác cho hoạt động kinh doanh**

Đây là dòng tiền thuần giữa khoản phải thu khác (khoản đã chi hộ người giao ủy thác) và phải trả khác (khoản còn phải trả nhà cung cấp) có liên quan đến hoạt động ủy thác nhập khẩu và tiền chi từ quỹ khen thưởng phúc lợi. Dòng tiền thuần này được trình bày là chi khác hoặc thu khác cho hoạt động kinh doanh nếu có chênh lệch giữa phải thu khác và phải trả khác tương ứng cho dòng tiền ra hoặc dòng tiền vào.

**VIII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

**Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Chủ sở hữu
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP khu vực miền Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	Công ty trong cùng tập đoàn
Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty

**Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán hàng</b>	<b>51.362.688.493</b>	<b>48.405.235.663</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	48.478.327.472	46.773.217.059
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO	1.406.161.450	1.505.342.198
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	1.447.060.000	-
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	31.139.571	126.676.406
<b>Mua hàng</b>	<b>290.535.455</b>	<b>617.202.489</b>
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO	87.381.817	143.370.000
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP khu vực miền Nam	-	284.181.398
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	290.535.455	333.021.091



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>	<b>28.234.240.684</b>	<b>26.644.613.025</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	27.610.284.379	26.040.994.250
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay (VAECO)	623.956.305	603.618.775
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>42.864.217.892</b>	<b>41.710.275.736</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	11.631.606.542	11.159.470.195
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	28.122.879.770	27.718.872.127
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	3.109.731.580	2.831.933.414
<b>Các khoản phải trả người bán</b>	<b>694.680.995</b>	<b>639.345.565</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	694.680.995	639.345.565
<b>Các khoản trả trước người bán</b>	<b>12.422.000</b>	<b>12.422.000</b>
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	12.422.000	12.422.000
<b>Các khoản phải trả khác</b>	<b>2.303.157.649</b>	<b>2.438.650.844</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	8.602.888	299.695.699
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	2.294.554.761	2.138.955.145

*Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:*

	Chức danh	Thu nhập kỳ này VND	Thu nhập kỳ trước VND
Ông Đào Khắc Hậu	Chủ tịch HĐQT	232.773.200	325.222.160
Ông Nguyễn Duy Việt	Tổng Giám đốc	273.116.800	-
Ông Nguyễn Quốc Trường	Tổng Giám đốc	-	347.422.160
Ông Phạm Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	124.619.611	136.253.878
Ông Trần Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	130.209.684	134.538.189
Bà Đỗ Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	100.928.264	103.910.289
<b>Cộng</b>		<b>861.647.559</b>	<b>1.047.346.676</b>

**2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

Trần Thị Ninh  
Người lập

Dương Quang Trung  
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Việt  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 08 năm 2021